

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

Bản án số: **419/2026/DS-PT**
Ngày 12-6-2026

V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thăng
Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An
Bà Đỗ Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2026/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026, về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, do bản án dân sự sơ thẩm số 433/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 357/2026/QĐXX-PT ngày 06 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Đặng Văn B, sinh năm 1971.
2. Bà Lê Thị Diệu D, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: A P, phường T, thành phố Đ (địa chỉ cũ: A P, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền của ông B và bà D: Ông Thái Xuân T, sinh năm 1978. Địa chỉ: 2, tổ B, khu phố B, phường T, thành phố Đ (địa chỉ cũ: 2/4, tổ B, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) - Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2019.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài T1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: H khu phố P, phường T, thành phố Đ (địa chỉ cũ: H4/7 khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1978. Địa chỉ: D, tổ A, khu phố C, phường L, thành phố Đ (địa chỉ cũ: D597A, tổ A, khu phố D, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) – Văn bản ủy quyền ngày 28/8/2025.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn D2.

Địa chỉ: Tổ F, Quốc lộ E, ấp T, xã L, thành phố Đ (địa chỉ cũ: tổ F, Quốc lộ E, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T3 - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc.

2. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1955.

3. Bà Tạ Hồng T4, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: 3 khu phố V, phường T, thành phố Đ (địa chỉ cũ: 372/16 khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

4. Ông Cung Đình H1, sinh năm 1955 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân C1.

Địa chỉ: H khu phố P, phường T, thành phố Đ (địa chỉ cũ: H4/7 khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cung Đình H1: Bà Nguyễn Thị Hoài T1 - Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2019.

5. Công ty cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số I C, phường H, thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số I C, phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn L - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1991. Địa chỉ: A L, phường S, thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: A L, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh). Văn bản ủy quyền ngày 22/02/2021.

6. Ông Nguyễn Thiên Á, sinh năm 1982 (chết năm 2022). Địa chỉ: 5 khu phố B, phường B, thành phố Đ (địa chỉ cũ: 53/3 khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thiên Á:

6.1. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1953.

6.2. Bà Dương Bạch T6, sinh năm 1955.

6.3. Cháu Nguyễn Phi L1, sinh năm 2012.

Cùng địa chỉ: 5 khu phố B, phường B, thành phố Đ (địa chỉ cũ: 53/3 khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

(Ông T, ông T2, bà N có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn – ông Đặng Văn B và bà Lê Thị Diệu D, trình bày:

Năm 2016, ông Đặng Văn B, bà Lê Thị Diệu D ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Huỳnh Văn H, bà Tạ Hồng T4 để kinh doanh quán café. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C2 ngày 09/03/2016.

Thời gian thuê 7 năm (từ ngày 09/03/2016 đến hết ngày 28/02/2023). Giá thuê cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/03/2016 đến hết ngày 28/2/2018 là: 15.000.000đ/tháng
- Từ ngày 01/03/2018 đến hết ngày 28/2/2021 là: 18.000.000đ/tháng.
- Từ ngày 01/03/2021 đến hết ngày 28/2/2023 là: 20.000.000đ/tháng.

Sau đó, ông B, bà D đã đầu tư xây dựng Quán cafe sân vườn T7 Khôi trên phần đất thuê, tổng vốn đầu tư khoảng 2.660.000.000 đồng. Quán cà phê đã đi vào hoạt động từ nửa cuối năm 2016.

Việc kinh doanh đang thuận lợi thì vào tháng 9/2018, bà Nguyễn Thị Hoài T1 tiến hành xây dựng nhà ở tại thửa đất kế bên gây sụt lún, hư hỏng.

Ngày 27/9/2018, ông B, bà D báo cho Công ty Đ – nhà thầu thi công, bà T1 và Ủy ban nhân dân phường T biết sự việc. Công ty Đ và bà T1 hứa sẽ khắc phục hư hỏng, nhưng không thực hiện. Ông B, bà D phải ngừng kinh doanh Quán cafe Tâm K từ 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019.

Sau nhiều lần làm việc, ngày 27/11/2019 ông B, bà D cùng bà T1 và Công ty Đ thỏa thuận được với nhau về việc khắc phục, sửa chữa và chi phí cho việc sửa chữa những hư hại của Quán C Tâm K. Tuy nhiên, phía bà T1 không chịu bồi thường thiệt hại do việc ngừng kinh doanh của Q.

Vì vậy, ông B, bà D khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà T1 bồi thường thiệt hại do ngừng kinh doanh từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019 các khoản sau:

- Tiền thuê bảo vệ trông coi quán: 14.000.000đ/tháng (căn cứ theo Hợp đồng dịch vụ bảo vệ giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn D2 với Quán cà phê Tâm K).
- Tiền thuê đất: 18.000.000đ/tháng (căn cứ theo Hợp đồng thuê nhà đất ngày 09/3/2016 với ông Huỳnh Văn H, bà Tạ Hồng T4).
- Thu nhập bị mất của ông B, bà D số tiền 18.000.000đ/tháng (mỗi người 9.000.000 đồng/tháng) vì ông B, bà D không có công ăn việc làm, không có thu nhập, còn phải thường xuyên túc trực dọn dẹp, bảo quản quán cà phê đang đóng cửa.

Tổng cộng, mỗi tháng 50.000.000 đồng x 14 tháng = 700.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Hoài T1, trình bày:

Ngày 20/8/2018, chồng bà T1 là ông Cung Đình H1 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân C1 ký hợp đồng xây dựng với Công ty Đ về việc xây dựng công trình tại địa điểm Lô K, Đường D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Theo hợp đồng thì Công ty Đ sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu có gây thiệt hại đối với công trình lân cận. Quá trình thi công đã xảy ra sự cố làm nứt tường, nền - do sụt lún nhà liền kề là Quán cà phê Tâm K do ông Đặng Văn B, bà Lê Thị Kiều D1 làm chủ. Công ty Đ đã cam kết thương lượng bồi thường cho bà D1, ông B nhưng quá trình thương lượng không thành.

Đối với chi phí sửa chữa là 130.000.000 đồng các bên đã giải quyết xong và ông B, bà D1 đã rút nội dung khởi kiện phần này.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do ngừng kinh doanh, số tiền 700.000.000 đồng thì Công ty Đ đã tự nguyện bồi thường cho ông B, bà D1 số tiền 152.000.000 đồng nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện này.

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền còn lại bao gồm thu nhập bị mất, tiền thuê đất và thuê bảo vệ thì bà T1 không đồng ý vì không có căn cứ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Cung Đình H1, trình bày:

Ông Cung Đình H1 là chồng bà Nguyễn Thị Hoài T1 và là chủ Doanh nghiệp tư nhân C1. Ông H1 thống nhất với ý kiến trình bày của bà T1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần Đ, trình bày:

Ông B, bà D1 không đưa ra được chứng cứ hợp pháp để chứng minh bị mất thu nhập 18.000.000 đồng/tháng cũng như không đưa ra được chứng cứ về việc thực hiện hợp đồng thuê bảo vệ với Công ty D2 với mức phí 14.000.000 đồng/tháng. Về tiền thuê đất, đây là chi phí phát sinh từ hợp đồng thuê đất ông B bà D1 phải phải thanh toán, không phải thiệt hại trực tiếp từ việc tài sản bị hư hỏng.

Do đó, Công ty Đ đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty trách nhiệm hữu hạn D2, trình bày:

Giữa công ty và Q cà phê Tâm K không ký kết bất kỳ hợp đồng dịch vụ bảo vệ nào. Hợp đồng dịch vụ bảo vệ ghi tên Công ty là do ông Nguyễn Thiên Ân tự lập và ký kết. Ông Ân chỉ là nhân viên của Công ty, không được ủy quyền để ký kết hợp đồng dịch vụ bảo vệ. Từ 14/8/2017, ông Ân chấm dứt làm việc tại Công ty.

Theo ông T3 thì dấu mộc đóng trong các hợp đồng dịch vụ bảo vệ và biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/12/2019 cũng không phải của Công ty. Ông T3 được biết ông Ân đã chết năm 2022.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông H cho bà D1 thuê đất để kinh doanh quán cà phê với giá thuê 18.000.000đồng/tháng thời gian thuê từ 01/3/2016 đến 28/2/2023. Do bà D1 dừng kinh doanh nên ông và D1 đã thỏa chấm dứt việc thuê vào ngày 31/12/2019.

Tiền thuê đất bà D1 đã thanh toán cho ông H đến hết ngày 31/12/2019. Theo ông H, yêu cầu khởi kiện của bà D1, ông B về việc đòi bồi thường chi phí thuê đất và mất thu nhập do ngừng kinh doanh là có cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết thấu tình đạt lý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Thiên Ân do ông Nguyễn Văn T5, bà Dương B1 và cháu Nguyễn Phi L1 kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

Vắng mặt nên không có lời trình bày

Kết quả giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án sơ thẩm số 433/2025/DS-ST ngày 29/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn B và bà Lê Thị Diệu D. Buộc bà Nguyễn Thị Hoài T1 bồi thường cho ông Đặng Văn B, bà Lê Thị Diệu D số tiền 404.000.000 đồng.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí, về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Việc kháng cáo đối với bản án sơ thẩm:

Ngày 07/10/2025, ông Đặng Văn B, bà Lê Thị Diệu D có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị Hoài T1 bồi thiệt hại do do thu nhập bị mất và tiền thuê bảo vệ, tổng cộng 348.000.000 đồng.

Ngày 10/10/2025, bà Nguyễn Thị Hoài T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông B, bà D rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu bà T1 bồi thiệt hại do do thu nhập bị mất, giữ nguyên kháng cáo về việc yêu cầu bà T1 bồi thường tiền thuê bảo vệ trong thời gian Quán T7 Khôi ngưng hoạt động từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019.

Người đại diện hợp pháp của bà T1 rút kháng cáo về phần phải bồi thường thiệt hại cho ông B, bà D do thu nhập bị mất, giữ nguyên kháng cáo về phần phải bồi thường thiệt hại cho ông B, bà D do quán Tâm K phải trả tiền thuê đất trong thời gian ngưng hoạt động.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Ông B, bà D không cung cấp được chứng cứ, tài liệu hợp pháp để chứng minh việc trả tiền thuê bảo vệ trong thời gian quán Tâm K ngưng hoạt động. Tuy nhiên, ông bà cung cấp được chứng cứ chứng minh trong thời gian này vẫn phải trả tiền thuê đất cho vợ chồng ông H.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tiền thuê bảo vệ, chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tiền thuê đất của ông B, bà D là có căn cứ. Kháng cáo của ông B bà D và bà T1 đều không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

Tại phiên tòa, ông T, ông T2, bà N có mặt. Các đương sự còn lại đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định của pháp luật, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Người đại diện hợp pháp của ông B, bà D rút phân kháng cáo về yêu cầu bồi thường thiệt hại do thu nhập bị mất, giữ nguyên kháng cáo về phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do phải chi tiền thuê bảo vệ trong thời gian quán Tâm K ngưng hoạt động.

Người đại diện hợp pháp của bà T1 rút kháng cáo về phần phải bồi thường thiệt hại cho ông B, bà D do thu nhập bị mất, giữ nguyên kháng cáo về phần phải bồi thường thiệt hại cho ông B, bà D do quán Tâm K phải chi trả tiền thuê đất trong thời gian ngưng hoạt động.

Căn cứ quy định tại Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo mà các đương sự đã rút, tiếp tục xét xử phúc thẩm đối với các nội dung kháng cáo còn lại.

[2] Về kháng cáo của các đương sự

[2.1] Đối với kháng cáo của ông B, bà D về yêu cầu bồi thường tiền thuê dịch vụ bảo vệ

Chứng minh cho yêu cầu buộc bà T1 bồi thường tiền dịch vụ bảo vệ, ông Đặng Văn B, bà Lê Thị Diệu D cung cấp các Hợp đồng dịch vụ bảo vệ giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn D2 với Quán cà phê Tâm K. Người ký tên phía Công ty D2 là ông Nguyễn Thiên Ân – chức vụ Giám đốc.

Tuy nhiên, theo kết quả thu thập chứng cứ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai thì người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn D2 là ông Nguyễn Đức T3 - Giám đốc.

Tại Biên bản làm việc ngày 20/12/2024, ông Nguyễn Đức T3 xác định giữa Công ty và Q cà phê Tâm K không ký bất kỳ hợp đồng dịch vụ bảo vệ nào. Người ký trong hợp đồng với Q cà phê Tâm K là ông Nguyễn Thiên Ân. Ông Ân chỉ là nhân viên của Công ty không có thẩm quyền ký hợp đồng. Ngoài ra, từ 14/8/2017 ông Ân không còn là nhân viên của Công ty nữa. Do đó, việc ông Ân ký các Hợp đồng và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/12/2019 là việc cá nhân của ông Ân, không liên quan đến Công ty.

Trong khi đó, ông B bà D cũng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào thể hiện thực tế có thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ cho Công ty D2.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông B, bà D là có căn cứ. Kháng cáo của ông B bà D không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà T1 về việc phải bồi thường tiền thuê đất trong thời gian Q cà phê Tâm K ngưng hoạt động

Quán cà phê của ông B, bà D bị hư hỏng, phải ngừng kinh doanh từ ngày 01/11/2018 đến 31/12/2019 (14 tháng) là có thật, nguyên nhân trực tiếp phát sinh từ việc thi công xây dựng công trình tại khu đất kế bên của chủ nhà là bà T1.

Tuy bắt buộc phải ngừng kinh doanh chờ sửa chữa, khắc phục hư hỏng nhưng ông B, bà D vẫn phải trả tiền thuê đất cho vợ chồng ông Huỳnh Văn H, bà Tạ Hồng T4.

Theo Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất có công chứng chứng thực và lời khai của ông H, đến ngày 31/12/2019 việc thuê đất mới chấm dứt và bà D đã thanh toán cho ông H với mức 18.000.000 đồng/tháng theo thỏa thuận.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T1 bồi thường cho ông B, bà D tổn thất tiền thuê đất trong thời gian ngừng kinh doanh từ 01/11/2018 đến 31/12/2019, số tiền 252.000.000 đồng là có căn cứ. Kháng cáo của bà T1 không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tóm lại, kháng cáo của các đương sự về đường lối giải quyết vụ án là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên, bổ sung cụ thể phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận, đảm bảo quyết định của bản án dễ hiểu và dễ thi hành.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm về cách tuyên, người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 289, Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của ông Đặng Văn B và bà Lê Thị Diệu D về vấn đề yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoài T1 bồi thường thiệt hại do nguồn thu nhập bị mất.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoài T1 về vấn đề phải bồi thường thiệt hại cho ông Đặng Văn B và bà Lê Thị Diệu D do nguồn thu nhập bị mất.

- Áp dụng các điều 584, 585, 589, 605 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn B, bà Lê Thị Diệu D và bà Nguyễn Thị Hoài T1. Sửa bản án sơ thẩm số 433/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai về cách tuyên.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn B, bà Lê Thị Diệu D. Buộc bà Nguyễn Thị Hoài T1 bồi thường cho ông Đặng Văn B, bà Lê Thị Diệu D tổng số tiền 404.000.000 đồng (bốn trăm linh bốn triệu đồng). Trong đó, tiền tổn thất thu nhập là 152.000.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu đồng), tiền thuê đất là 252.000.000 đồng (hai trăm năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn B, bà Lê Thị Diệu D về việc buộc bà Nguyễn Thị Hoài T1 bồi thường thiệt hại do phải thuê bảo vệ trong thời gian quán Tâm K ngưng hoạt động, số tiền 196.000.000 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu đồng).

2. Về án phí:

Ông Đặng Văn B, bà Lê Thị Diệu D phải chịu 9.800.000 đồng (chín triệu tám trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trừ vào 18.411.000 đồng (mười tám triệu bốn trăm mười một ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004600 ngày 08/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, hoàn trả ông Đặng Văn B, bà Lê Thị Kiều D1 số tiền 8.611.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Ông Đặng Văn B, bà Lê Thị Diệu D không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả ông Đặng Văn B, bà Lê Thị Diệu D số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008604 ngày 19/11/2025 và Biên lai thu số 0008603 ngày 19/11/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai.

Bà Nguyễn Thị Hoài T1 phải chịu 20.160.000 đồng (hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đồng Nai;
- TAND KV1 – Đồng Nai;
- THADS TP. Đồng Nai;
- Phòng THADS KV1 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thắng

